

Bản án số: 1053/2024/DS-ST
Ngày 23-9-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hợi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Bạch.
2. Ông Vương Tấn Độ.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Mai Lệ - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Hồ Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 09 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 700/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 08 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 500/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 09 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Lê T V A. Sinh năm: 19xx.

Địa chỉ: nhm/m đường H, phường A, quận B, Thành phố H. Địa chỉ liên lạc: nbh/g đường N, Phường b, Quận c, Thành phố H.

Bị đơn: bà Lê T K O. Sinh năm: 19xx.

Địa chỉ: số v, Đường số B, khu dân cư N, khu phố b, phường A, quận B, Thành phố H.

(bà A có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà O vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện bản tự khai của đương sự tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

[1] Nguyên đơn bà Lê T V A trình bày: bà bà và bà O là bạn bè quen biết lâu năm nên bà có cho bà Lê T K O vay số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 09/03/2023, hai bên có thỏa thuận miệng là bà O sẽ trả sau 5 ngày, do quen biết nên bà cũng tin tưởng nên không yêu cầu bà O ghi thời hạn trả nợ vào giấy mượn tiền. Nhưng cho tới thời điểm hiện nay bà O vẫn chây ỳ không chịu trả nợ, dù bà đã nhiều lần đòi. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà Lê T K O phải trả cho bà số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Số tiền bà cho bà O vay là tiền riêng của bà, không phải tài sản chung vợ chồng.

[2] Bị đơn bà Lê T K O đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng bà O vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án.

[3] Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Lê T V A có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn bà Lê T K O vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Tuy nhiên về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; còn Bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

+ Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Lê T K O phải trả cho bà Lê T V A số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Lê T V A khởi kiện yêu cầu bà Lê T K O trả số tiền 100.000.000 đồng. Đây là giao dịch dân sự về việc vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại: số v, Đường số B, khu dân cư N, khu phố b, phường A, quận B, Thành phố H. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về xét xử vắng mặt đương sự:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Còn bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án. Căn cứ điểm b

khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Lê T V A khởi kiện yêu cầu bà Lê T K O trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: căn cứ Giấy mượn tiền ghi ngày 09/03/2023 cho thấy bà Lê T K O có vay của bà Lê T V A số tiền 100.000.000 đồng. Mặc dù trong Giấy mượn tiền không ghi cụ thể thời gian nào sẽ trả nợ, nhưng theo Thông báo yêu cầu trả nợ (bút lục số 13) thì bà O đã xác nhận và đồng ý trả số tiền nợ 100.000.000 đồng cho bà A trong thời hạn từ ngày 08/12/2023 đến ngày 08/01/2024, tuy nhiên đến nay đã hết hạn trả nợ nhưng bà O vẫn chưa thanh toán cho bà A, do đó quyền và lợi ích của bà A bị xâm phạm. Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[3] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Lê T K O phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải thực hiện nghĩa vụ, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tương ứng với số tiền án phí phải chịu là 5.000.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Lê T V A số tiền tạm ứng án phí là 2.500.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011002 ngày 15/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự năm 2008, sửa đổi năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Vân A.

2. Buộc bà Lê T K O phải trả cho bà Lê T V A số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Kể từ khi bà Lê T V A có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Lê T K O chưa thanh toán đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng bà Lê T K O còn phải chịu thêm

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

Bà Lê T K O phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Hoàn trả cho bà Lê T V A số tiền tạm ứng án phí là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011002 ngày 15/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hới